

Số: 72/2026/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Quy định về Bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 275/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Nghị quyết bổ sung Quy định về Bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 257/BC-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thứ năm (Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định về Bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quy định về Bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Bổ sung giá đất tái định cư vào Bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

2. Sửa đổi tên tuyến đường tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Quy định về Bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (*Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ năm thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026. ✓

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Lương



Phụ lục I

Bổ sung giá đất tái định cư vào Bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2026/NQ-HĐND)

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên vị trí, dự án	Đoạn đường	Giá đất ở	Ghi chú
I	Phường Phan Đình Phùng			
1	Khu tái định cư tổ 39 và 40, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Đường quy hoạch rộng 22,5 m	10.000	
		Đường quy hoạch rộng 15 m	7.500	
		Đường quy hoạch rộng 13 m	6.200	
II	Phường Quan Triều			
1	Khu tái định cư tổ 7, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	Đường quy hoạch rộng 27 m	9.300	
		Đường quy hoạch rộng 15 m	6.800	
		Đường quy hoạch rộng 13 m	6.000	
III	Phường Linh Sơn			
1	Khu tái định cư số 02 xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Đường quy hoạch rộng 20 m	5.200	
		Đường quy hoạch rộng 15 m	3.800	
2	Khu tái định cư số 02 Cao Ngạn 07 ha (tăng lên 20 ha) - xã Cao Ngạn cũ	Đường quy hoạch rộng 20 m	5.200	
		Đường quy hoạch rộng 15 m	3.800	
		Đường quy hoạch rộng 11 m	3.000	
IV	Phường Gia Sàng			
1	Khu tái định cư Trại Bàu (Tổ 4, phường Gia Sàng)	Đường quy hoạch rộng 22 m	9.000	
		Đường quy hoạch rộng 19,5 m	8.400	
		Đường quy hoạch rộng 15 m	5.200	
V	Phường Phổ Yên			
1	Khu tái định cư Hồng Tiến 4, phường Phổ Yên	Trục đường quy hoạch rộng 17,5 m: Gồm các DO19-1; DO18-1; DO17-1; DO15-1; DO13; DO7-1; DO7-3; DO 07; DO 06-1	3.000	

STT	Tên vị trí, dự án	Đoạn đường	Giá đất ở	Ghi chú
		Trục đường quy hoạch rộng 15,5 m: Gồm các DO19-2; DO18-2; DO18-4; DO08-1; DO08 2; DO17-2; DO 09-1	2.700	
		Trục đường quy hoạch rộng 15,5 m: Gồm DO02	2.500	
2	Tái định cư tập trung Hồng Tiến	Các lô đất bám trục đường quy hoạch rộng 19,5 m	4.000	
		Các lô đất bám trục đường quy hoạch rộng 16,5 m	3.500	
		Các lô đất bám trục đường quy hoạch rộng 15,5 m	3.000	
3	Tái định cư xóm Hanh	Các lô đất bám trục đường quy hoạch rộng 18,5 m	3.700	
		Các lô đất bám trục đường quy hoạch rộng 15 m	3.500	
		Các lô đất bám trục đường quy hoạch rộng 12 m	3.000	
VI	Phường Vạn Xuân			
1	Khu tái định cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội phường Vạn Xuân (Khu số 1)	Đường quy hoạch rộng 22 m	6.000	
		Đường quy hoạch rộng 19,5 m	4.500	
		Đường quy hoạch rộng 15,5 m	3.200	
		Đường quy hoạch rộng 15 m	3.100	
2	Khu tái định cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội phường Vạn Xuân (Khu số 2)	Đường quy hoạch rộng 22 m	4.800	
		Đường quy hoạch rộng 19,5 m	3.200	
		Đường quy hoạch rộng 15,5 m	2.600	
3	Khu tái định cư Đông Kết	Đường quy hoạch rộng 15,5 m	2.600	
4	Khu tái định cư dự án Tuyến kết nối Phía Tây Nam khu công nghiệp Yên Bình 3 với Đường 47 (Khu số 4)	Đường quy hoạch rộng 22 m	6.000	
		Đường quy hoạch rộng 19,5 m	4.500	
		Đường quy hoạch rộng 15,5 m	3.200	
		Đường quy hoạch rộng 15 m	3.100	
5	Khu tái định cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội phường Vạn Xuân (Khu số 3)	Đường quy hoạch rộng 22 m	4.900	
		Đường quy hoạch rộng 19,5 m	3.500	
		Đường quy hoạch rộng 15,5 m	2.600	

STT	Tên vị trí, dự án	Đoạn đường	Giá đất ở	Ghi chú
VII	Phường Trung Thành			
1	Dự án khu tái định cư Phú Đông	Đường quy hoạch rộng 20,5 m	3.000	
		Đường quy hoạch rộng 16,5 m (trục kết nối với đường Triệu Quang Phục)	2.500	
		Đường quy hoạch rộng 16,5 m (Các trục đường quy hoạch còn lại)	2.200	
		Đường quy hoạch 13,5 m	2.200	
VIII	Phường Bách Quang			
1	Khu tái định cư số 2 phường Bách Quang (Hạ tầng khu dân cư số 5 phường Lương Sơn)	Đường quy hoạch rộng 22,5 m	4.200	
		Đường quy hoạch rộng 15,5 m	3.600	
2	Khu tái định cư số 1 phường Bách Quang (Khu dân cư số 1 phường Bách Quang)	Đường quy hoạch rộng 20,5 m	3.500	
		Đường quy hoạch rộng 16,5 m	3.100	
		Đường quy hoạch rộng 15 m	3.000	
IX	Phường Bá Xuyên			
1	Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Bá Xuyên (xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân xã Bá Xuyên)	Đường quy hoạch rộng 27 m (Trục Bắc - Nam): Gồm các lô quy hoạch OM-4.1; OM-4.2; OM-4.3; OM-5.1; OM-5.2; OM-5.3; OM-6.1; OM-6.2; OM-7.1; OM-7.2; OM-8.1; OM-8.2; OM-8.3; OM-8.4	2.200	
		Đường quy hoạch rộng 15,5 m: Gồm các lô quy hoạch OM-4.1; OM-4.2; OM-4.3; OM-5.1; OM-5.2; OM-5.3; OM-6.1; OM-6.2; OM-7.1; OM-7.2; OM-8.1; OM-8.2; OM-8.3; OM-8.4; OM-4.10 và các ô đất hướng Đông Bắc thuộc lô quy hoạch OM-4.11; OM-4.12	1.800	
		Đường quy hoạch rộng 15,5 m: Gồm các ô đất hướng Tây Nam thuộc lô quy hoạch OM-4.10; OM-4.11; OM-4.12	1.500	
2	Khu dân cư và khu tái định cư số 5 Bá Xuyên	Đường quy hoạch rộng 11,5 m: Gồm các lô quy hoạch OLK5; OLK6; OLK7	1.500	
		Đường quy hoạch rộng 10 m: Gồm các block quy hoạch OLK3; OLK4	1.400	

STT	Tên vị trí, dự án	Đoạn đường	Giá đất ở	Ghi chú
X	Xã Tân Cương			
1	Dự án các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1)			
	Đường rộng 27 m	Gồm vị trí các ô quy hoạch: C.LK42-16, C.LK43-1, C.LK41-15, C.LK41-14, C.LK40.13, C.LK40.14	2.800	
	Đường rộng 25,5m	Gồm vị trí ô quy hoạch C.LK44-15	2.800	
2	Dự án các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2)			
	Đường rộng 27 m	Gồm vị trí ô quy hoạch C.LK3-1	2.800	
	Đường rộng 25,5m	Gồm vị trí ô quy hoạch C.LK1-12	2.800	
3	Dự án Khu dân cư nông thôn và tái định cư số 3	Đường quy hoạch rộng 17 m	4.200	
		Các đường quy hoạch rộng 15,5 m	3.400	
		Đường quy hoạch rộng 15,5 m bám các lô quy hoạch D.LK06, D.LK07, D.LK08	2.800	
XI	Xã Diềm Thụy			
1	Khu tái định cư Thượng Đình	Đường gom đường Quốc lộ 37	3.500	
		Các vị trí còn lại	2.500	
2	Khu tái định cư số 1 Nga My	Đường rộng 20 m	3.000	
		Các vị trí còn lại	2.500	
3	Khu tái định cư số 5 Diềm Thụy	Đường quy hoạch rộng 36 m (LK-01 từ lô số 1-5; LK-02 từ lô 6-10)	3.500	
		Đường quy hoạch rộng 20,5 m	2.900	
		Đường quy hoạch rộng 15 m	2.200	
		Đường quy hoạch rộng 13 m	2.100	

STT	Tên vị trí, dự án	Đoạn đường	Giá đất ở	Ghi chú
4	Khu tái định cư xóm Trung	Đường quy hoạch rộng 24 m	3.200	
		Đường quy hoạch rộng 22,5 m	3.000	
		Đường quy hoạch rộng 15,5 m	2.500	
XII	Xã Phú Bình			
1	Tái định cư Hương Sơn (giai đoạn 1)	Lô đất giáp đường gom Vành đai V	4.000	
		Đường quy hoạch rộng 15 m (băng thứ 2 song song với đường gom Vành đai V)	3.500	
		Các lô còn lại	3.000	
XIII	Xã Tân Thành			
1	Khu tái định cư Tân Hòa 1	Đường gom ĐT 269B rộng 11,5 m	3.000	
		Đường nội bộ quy hoạch rộng 20 m	2.400	
		Đường nội bộ quy hoạch rộng 15,5 m	2.200	
2	Khu tái định cư Tân Hòa 2	Đường gom ĐT 269B rộng 11,5 m	3.000	
		Đường nội bộ quy hoạch rộng 20 m	2.400	
		Đường nội bộ quy hoạch rộng 15,5 m	2.200	
XIV	Xã Vô Tranh			
1	Dự án Khu dân cư mới đường Vành đai 1	Đường quy hoạch rộng 19,5 m	4.500	
		Đường quy hoạch rộng 15,5 m	3.000	

Phụ lục II
Sửa đổi tên tuyến đường tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định
về Bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2026/NQ-HĐND)

STT	Địa điểm (xã, phường)	Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh	Nay sửa đổi lại như sau
		Tên tuyến đường	
1	17. Xã Phú Bình	8. Đường tỉnh 269D	8. Đường tỉnh 261D